Ultima Markets

Hướng dẫn về Điều kiện Giao dịch Sản phẩm

(Tài khoản Standard STP)

Hướng dẫn này được thiết kế để cung cấp cho bạn cái nhìn rõ ràng về các điều kiện giao dịch cụ thể về các công cụ tài chính khác nhau của chúng tôi, bao gồm forex, kim loại & hàng hóa, chỉ số, cổ phiếu, tiền điện tử và trái phiếu.

Mục lục

Là một nền tảng trực tuyến đa tài sản, Ultima Markets cung cấp một danh sách đầy đủ các công cụ tài chính để bạn giao dịch.

Trong hướng dẫn này, bạn sẽ tìm thấy cụ thể thông số kỹ thuật hợp đồng của các sản phẩm của chúng tôi.

Forex 03
Kim loại & Hàng hóa 11
Chỉ số 15
Chứng khoán 20
Tiền điện tử 37
Trái phiếu 44

Ultima Markets

Forex

Ultima Markets cung cấp mức chênh lệch thấp, đòn bẩy cao và các cặp tiền tệ đa dạng để giúp bạn chiếm thế thượng phong trên thị trường lớn nhất và có tính thanh khoản cao nhất thế giới.

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch forex

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
AUDCAD	Australian Dollar vs Canadian Dollar	1.0 CAD	5	100000 AUD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	18.6	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
AUDCHF	Australian Dollar vs Swiss Franc	1.0 CHF	5	100000 AUD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	17.83	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
AUDCNH	AU Dollar vs Chinese Yuan	1.0 CNH	5	100000 AUD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	56.51	Monday: 03:00-23:59 Tuesday: 03:00-23:59 Wednesday: 03:00-23:59 Thursday: 03:00-23:59 Friday: 03:00-23:59
AUDJPY	Australian Dollar vs Japanese Yen	100.0 JPY	3	100000 AUD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	17.75	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
AUDNZD	Australian Dollar vs New Zealand Dollar	1.0 NZD	5	100000 AUD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	21.08	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
AUDSGD	Australian Dollar vs Singapore Dollar	1.0 SGD	5	100000 AUD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	24.27	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
AUDUSD	Australian Dollar vs US Dollar	1.0 USD	5	100000 AUD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	14.38	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
CADCHF	Canadian Dollar vs Swiss Franc	1.0 CHF	5	100000 CAD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	18.11	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
CADJPY	Canadian Dollar vs Japanese Yen	100.0 JPY	3	100000 CAD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	17.83	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch forex

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
CHFJPY	Swiss Franc vs Japanese Yen	100.0 JPY	3	100000 CHF	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	23.17	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
CHFSGD	Swiss Franc vs Singapore Dollar	1.0 SGD	5	100000 CHF	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	45.83	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURAUD	Euro vs Australian Dollar	1.0 AUD	5	100000 EUR	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	15.71	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURCAD	Euro vs Canadian Dollar	1.0 CAD	5	100000 EUR	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	18.77	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURCHF	Euro vs Swiss Franc	1.0 CHF	5	100000 EUR	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	18.77	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURCZK	Euro vs Czech Koruna	10.0 CZK	4	100000 EUR	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	249.49	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURDKK	Euro vs Danish Krone	1.0 DKK	5	100000 EUR	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	374.99	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURGBP	Euro vs Great Britain Pound	1.0 GBP	5	100000 EUR	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	12.39	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURHUF	Euro vs Hungarian Forint	100.0 HUF	3	100000 EUR	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	520.67	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch forex

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
EURJPY	Euro vs Japanese Yen	100.0 JPY	3	100000 EUR	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	15.84	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURNOK	Euro vs Norwegian Krone	1.0 NOK	5	100000 EUR	Forex No Leverage	10	0.01	100	0.01	50	20	1224.02	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURNZD	Euro vs New Zealand Dollar	1.0 NZD	5	100000 EUR	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	24.43	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURPLN	Euro vs Polish Zloty	1.0 PLN	5	100000 EUR	Forex No Leverage	50	0.01	100	0.01	50	20	385.3	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURSEK	Euro vs Swedish Krona	1.0 SEK	5	100000 EUR	Forex No Leverage	10	0.01	100	0.01	50	20	1058.51	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURSGD	Euro vs Singapore Dollar	1.0 SGD	5	100000 EUR	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	28.7	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURTRY	Euro vs Turkish Lira	1.0 TRY	5	100000 EUR	CFD	20	0.01	100	0.01	50	20	3925.2	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
EURUSD	Euro vs US Dollar	1.0 USD	5	100000 EUR	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	11.19	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
GBPAUD	Great Britain Pound vs Australian Dollar	1.0 AUD	5	100000 GBP	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	23.49	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch forex

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
GBPCAD	Great Britain Pound vs Canadian Dollar	1.0 CAD	5	100000 GBP	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	21.93	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
GBPCHF	Great Britain Pound vs Swiss Franc	1.0 CHF	5	100000 GBP	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	13.38	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
GBPJPY	Great Britain Pound vs Japanese Yen	100.0 JPY	3	100000 GBP	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	18.43	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
GBPNZD	Great Britain Pound vs New Zealand Dollar	1.0 NZD	5	100000 GBP	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	27.35	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
GBPSGD	Great Britain Pound vs Singapore Dollar	1.0 SGD	5	100000 GBP	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	33.95	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
GBPUSD	Great Britain Pound vs US Dollar	1.0 USD	5	100000 GBP	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	11.86	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
NZDCAD	New Zealand Dollar vs Canadian Dollar	1.0 CAD	5	100000 NZD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	19.69	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
NZDCHF	New Zealand Dollar vs Swiss Franc	1.0 CHF	5	100000 NZD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	18.41	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
NZDJPY	New Zealand Dollar vs Japanese Yen	100.0 JPY	3	100000 NZD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	18.45	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch forex

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
NZDSGD	New Zealand Dollar vs Singapore Dollar	1.0 SGD	5	100000 NZD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	24.44	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
NZDUSD	New Zealand Dollar vs US Dollar	1.0 USD	5	100000 NZD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	14.96	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
SGDJPY	Singapore Dollar vs Japanese Yen	100.0 JPY	3	100000 SGD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	25.84	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDBRL	US Dollar vs Brazilian	1.0 BRL	5	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	175.47	Monday: 15:31-22:58 Tuesday: 15:31-22:58 Wednesday: 15:31-22:58 Thursday: 15:31-22:58 Friday: 15:31-22:58
USDCAD	US Dollar vs Canadian Dollar	1.0 CAD	5	100000 USD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	12.3	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDCHF	US Dollar vs Swiss Franc	1.0 CHF	5	100000 USD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	15.12	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDCLP	US Dollar vs Chile Peso	1000.0 CLP	2	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	69.4	Monday: 15:50-19:10 Tuesday: 15:50-19:10 Wednesday: 15:50-19:10 Thursday: 15:50-19:10 Friday: 15:50-19:10
USDCNH	US Dollar vs Chinese Yuan	1.0 CNH	5	100000 USD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	65.01	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDCOP	US Dollar vs Colombia Peso	1000.0 COP	2	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	484.08	Monday: 17:00-20:50 Tuesday: 17:00-20:50 Wednesday: 17:00-20:50 Thursday: 17:00-20:50 Friday: 17:00-20:50

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch forex

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
USDCZK	US Dollar vs Czech Koruna	1.0 CZK	5	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	1786.3	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDDKK	US Dollar vs Danish Krone	1.0 DKK	5	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	346.88	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDHUF	US Dollar vs Hungarian Forint	100.0 HUF	3	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	493.92	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDIDR	US Dollar vs Indonesian Rupiah	10000.0 IDR	1	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	122.3	Monday: 04:00-23:00 Tuesday: 04:00-23:00 Wednesday: 04:00-23:00 Thursday: 04:00-23:00 Friday: 04:00-23:00
USDILS	US dollar vs Israeli Shekel	1.0 ILS	5	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	604.8	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDINR	US Dollar vs Indian Rupee	100.0 INR	3	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	33.31	Monday: 05:00-23:00 Tuesday: 05:00-23:00 Wednesday: 05:00-23:00 Thursday: 05:00-23:00 Friday: 05:00-23:00
USDJPY	US Dollar vs Japanese Yen	100.0 JPY	3	100000 USD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	13.36	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDKRW	US Dollar vs South Korean won	1000.0 KRW	2	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	62.75	Monday: 03:00-23:00 Tuesday: 03:00-23:00 Wednesday: 03:00-23:00 Thursday: 03:00-23:00 Friday: 03:00-23:00
USDMXN	US Dollar vs Mexican Peso	1.0 MXN	5	100000 USD	Forex No Leverage	10	0.01	100	0.01	50	20	580.05	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch forex

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
USDNOK	US Dollar vs Norwegian Krone	1.0 NOK	5	100000 USD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	1064.65	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDPLN	US Dollar vs Polish Zloty	1.0 PLN	5	100000 USD	Forex No Leverage	50	0.01	100	0.01	50	20	307.52	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDSEK	US Dollar vs Swedish Krona	1.0 SEK	5	100000 USD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	844.83	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDSGD	US Dollar vs Singapore Dollar	1.0 SGD	5	100000 USD	Forex	2000	0.01	100	0.01	50	20	23.57	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDTHB	United States Dollar vs Thai Baht	1.0 THB	5	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	1289.51	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDTRY	US Dollar vs Turkish Lira	1.0 TRY	5	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	2152.55	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
USDTWD	US Dollar vs Taiwan Dollar	100.0 TWD	3	100000 USD	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	20.56	Monday: 03:10-22:00 Tuesday: 03:10-22:00 Wednesday: 03:10-22:00 Thursday: 03:10-22:00 Friday: 03:10-22:00
USDZAR	US Dollar vs South African Rand	1.0 ZAR	5	100000 USD	Forex No Leverage	10	0.01	100	0.01	50	20	1058.23	Monday: 00:01-23:58 Tuesday: 00:01-23:58 Wednesday: 00:01-23:58 Thursday: 00:01-23:58 Friday: 00:01-23:57
XAGAUD	Silver vs Australian Dollar	5.0 AUD	3	5000 OZ	CFD	100	0.01	20	0.01	50	20	52.07	Monday: 01:01-23:58 Tuesday: 01:01-23:58 Wednesday: 01:01-23:58 Thursday: 01:01-23:58 Friday: 01:01-23:57
XAGUSD	Silver US Dollar	5.0 USD	3	5000 OZ	CFD	100	0.01	20	0.01	50	20	30.37	Monday: 01:01-23:58 Tuesday: 01:01-23:58 Wednesday: 01:01-23:58 Thursday: 01:01-23:58 Friday: 01:01-23:57

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch forex

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
XAUAUD	Gold vs Australian Dollar	1.0 AUD	2	100 OZ	CFD-Leverage	2000	0.01	100	0.01	50	20	60.7	Monday: 01:01-23:58 Tuesday: 01:01-23:58 Wednesday: 01:01-23:58 Thursday: 01:01-23:58 Friday: 01:01-23:57
XAUEUR	Gold / Euro	1.0 EUR	2	100 OZ	CFD-Leverage	2000	0.01	100	0.01	50	20	42.3	Monday: 01:01-23:58 Tuesday: 01:01-23:58 Wednesday: 01:01-23:58 Thursday: 01:01-23:58 Friday: 01:01-23:57
XAUJPY	Gold vs Japanese Yen	100.0 JPY	0	100 OZ	CFD-Leverage	2000	0.01	100	0.01	50	20	88.99	Monday: 01:01-23:58 Tuesday: 01:01-23:58 Wednesday: 01:01-23:58 Thursday: 01:01-23:58 Friday: 01:01-23:57
XAUUSD	Gold US Dollar	1.0 USD	2	100 OZ	CFD-Leverage	2000	0.01	100	0.01	50	20	19.33	Monday: 01:01-23:58 Tuesday: 01:01-23:58 Wednesday: 01:01-23:58 Thursday: 01:01-23:58 Friday: 01:01-23:57
XPDUSD	Palladium - Cash	0.1 USD	2	10 OZ	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	627.95	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
XPTUSD	Platinum vs US Dollar	0.1 USD	2	10 OZ	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	675.3	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00

Ultima Markets

Kim loại & Hàng hóa

Với Ultima Markets, bạn có thể suy đoán về biến động giá của kim loại quý và hàng hóa mang lại nhiều cơ hội giao dịch khác nhau.

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch hàng hóa và kim loại

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
CL-OIL	Crude Oil Future CFD (USD)	1.0 USD	3	1000 barrels	CFD	500	0.01	20	0.01	50	20	34.61	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
COPPER-C	Copper	2.5 USD	4	25000 lbs	CFD	50	0.1	40	0.1	50	20	30.29	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
Cocoa-C	US Cocoa - Cash	1.0 USD	1	10 lbs	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	100	Monday: 11:45-20:30 Tuesday: 11:45-20:30 Wednesday: 11:45-20:30 Thursday: 11:45-20:30 Friday: 11:45-20:30
Coffee-C	Coffee Arabica - Cash	3.75 USD	4	37500 lbs	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	29	Monday: 11:15-20:30 Tuesday: 11:15-20:30 Wednesday: 11:15-20:30 Thursday: 11:15-20:30 Friday: 11:15-20:30
Cotton-C	Cotton - Cash	0.5 USD	5	50000 lbs	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	152	Monday: 04:00-21:20 Tuesday: 04:00-21:20 Wednesday: 04:00-21:20 Thursday: 04:00-21:20 Friday: 04:00-21:20
GAS-C	Gasoline	4.2 USD	4	42000 gallons	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	25.01	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
GASOIL-C	Low Sulphur Gasoil - Cash	1.0 USD	2	100 tonnes	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	60.94	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 03:00-24:00 Wednesday: 03:00-24:00 Thursday: 03:00-24:00 Friday: 03:00-24:00
NG-C	Natural Gas	10.0 USD	3	10000 BTU	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	6.93	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
OJ-C	Orange Juice - Cash	1.5 USD	4	15000 lbs	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	137.99	Monday: 15:00-21:00 Tuesday: 15:00-21:00 Wednesday: 15:00-21:00 Thursday: 15:00-21:00 Friday: 15:00-21:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch hàng hóa và kim loại

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Soybean-C	Soybean - Cash	0.5 USD	3	500 Bushels	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	15.19	Monday: 03:00-15:45,16:30-21:20 Tuesday: 03:00-15:45,16:30-21:20 Wednesday: 03:00-15:45,16:30-21:20 Thursday: 03:00-15:45,16:30-21:20 Friday: 03:00-15:45,16:30-21:20
Sugar-C	Sugar Raw - Cash	1.12 USD	5	112000 lbs	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	50	Monday: 10:30-20:00 Tuesday: 10:30-20:00 Wednesday: 10:30-20:00 Thursday: 10:30-20:00 Friday: 10:30-20:00
UKOUSD	Brent Crude Oil Cash	1.0 USD	3	1000 barrels	CFD	500	0.01	20	0.01	50	20	23	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 03:00-24:00 Wednesday: 03:00-24:00 Thursday: 03:00-24:00 Friday: 03:00-24:00
UKOUSDft	Brent Crude Oil Future	1.0 USD	3	1000 barrels	CFD	500	0.01	100	0.01	50	20	41.35	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 00:00-01:00,03:00-24:00 Wednesday: 00:00-01:00,03:00-24:00 Thursday: 00:00-01:00,03:00-24:00 Friday: 00:00-01:00,03:00-24:00
USOUSD	WTI Crude Oil Cash	1.0 USD	3	1000 barrels	CFD	500	0.01	20	0.01	50	20	23.01	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
Wheat-C	US Wheat (SRW) - Cash	1.0 USD	3	1000 Bushels	CFD	20	0.1	40	0.1	50	20	10	Monday: 03:00-15:45,16:30-21:20 Tuesday: 03:00-15:45,16:30-21:20 Wednesday: 03:00-15:45,16:30-21:20 Thursday: 03:00-15:45,16:30-21:20 Friday: 03:00-15:45,16:30-21:20

Ultima Markets

Chỉ số

Ultima Markets mang đến cho bạn cái nhìn bao quát hơn về thị trường chứng khoán bằng cách đầu tư vào các chỉ số lớn nhất thế giới, chẳng hạn như Dow Jones, S&P 500, Nikkei và FTSE của Vương quốc Anh.

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch cổ phiếu

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
BVSPX	Bovespa Cash CFD (BRL)	0.01 BRL	2	1 BRL	CFD	50	0.1	500	0.1	50	20	2166.93	Monday: 15:01-23:55 Tuesday: 15:01-23:55 Wednesday: 15:01-23:55 Thursday: 15:01-23:55 Friday: 15:01-23:55
CHINA50	China A50 Index Cash CFD (USD)	1.0 USD	0	1 USD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	8.01	Monday: 04:00-11:30,12:00-23:45 Tuesday: 04:00-11:30,12:00-23:45 Wednesday: 04:00-11:30,12:00-23:45 Thursday: 04:00-11:30,12:00-23:45 Friday: 04:00-11:30,12:00-23:45
CHINA50ft	CHINA50 Future	0.1 USD	1	1 USD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	107.97	Monday: 04:00-11:30,12:00-23:45 Tuesday: 04:00-11:30,12:00-23:45 Wednesday: 04:00-11:30,12:00-23:45 Thursday: 04:00-11:30,12:00-23:45 Friday: 04:00-11:30,12:00-23:45
CHINAH	Hong Kong China H-shares Cash	0.01 HKD	2	1 HKD	CFD	200	0.1	500	0.1	50	20	1550	Monday: 04:15-07:00,08:00-11:00,12:15-21:58 Tuesday: 04:15-07:00,08:00-11:00,12:15-21:58 Wednesday: 04:15-07:00,08:00-11:00,12:15-21:58 Thursday: 04:15-07:00,08:00-11:00,12:15-21:58 Friday: 04:15-07:00,08:00-11:00,12:15-21:58
DJ30	Dow Jones Index Cash CFD (USD)	0.01 USD	2	1 USD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	353.11	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
DJ30ft	DJ30 Future	0.01 USD	2	1 USD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	599.02	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
ES35	ES35 Index Cash	0.01 EUR	2	1 EUR	CFD	200	0.1	500	0.1	50	20	619.2	Monday: 09:00-21:00 Tuesday: 09:00-21:00 Wednesday: 09:00-21:00 Thursday: 09:00-21:00 Friday: 09:00-21:00
EU50	EUSTX50 Cash	0.01 EUR	2	1 EUR	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	200.78	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
FRA40	France 40 Index	0.01 EUR	2	1 EUR	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	230.19	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch cổ phiếu

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
FRA40ft	FRA40 Future	0.01 EUR	2	1 EUR	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	415	Monday: 09:00-23:00 Tuesday: 09:00-23:00 Wednesday: 09:00-23:00 Thursday: 09:00-23:00 Friday: 09:00-22:57
GER40	GER40 Cash	0.01 EUR	2	1 EUR	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	186.37	Monday: 03:15-24:00 Tuesday: 03:15-24:00 Wednesday: 03:15-24:00 Thursday: 03:15-24:00 Friday: 03:15-23:00
GER40ft	GER40 Future	0.01 EUR	2	1 EUR	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	344.5	Monday: 03:15-24:00 Tuesday: 03:15-24:00 Wednesday: 03:15-24:00 Thursday: 03:15-24:00 Friday: 03:15-23:00
HK50	Hang Seng Index Cash CFD (HKD)	1.0 HKD	0	1 HKD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	6.09	Monday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Tuesday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Wednesday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Thursday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Friday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00
HK50ft	HK50 Future	0.01 HKD	2	1 HKD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	900	Monday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Tuesday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Wednesday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Thursday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Friday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00
HKTECH	Hang Seng TECH Index CASH CFD (HKD)	0.01 HKD	2	1 HKD	CFD	30.3	0.1	500	0.1	50	20	525.46	Monday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Tuesday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Wednesday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Thursday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00 Friday: 04:15-07:00,08:00-11:30,12:15-22:00
IND50	India 50 Cash	0.01 USD	2	1 USD	CFD	200	0.1	500	0.1	50	20	1352.66	Monday: 06:45-13:00 Tuesday: 06:45-13:00 Wednesday: 06:45-13:00 Thursday: 06:45-13:00 Friday: 06:45-13:00
JPN225ft	Nikkei Future	0.01 JPY	2	1 USD	CFD	500	1	20000	1	50	20	1441.81	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-23:57
NAS100	NAS100 Cash	0.01 USD	2	1 USD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	220.46	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch cổ phiếu

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
NAS100ft	NAS100 Future	0.01 USD	2	1 USD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	320.01	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
NETH25	Netherlands 25 Cash	0.01 EUR	2	1 EUR	CFD	200	0.1	500	0.1	50	20	212.01	Monday: 09:00-22:59 Tuesday: 09:00-22:59 Wednesday: 09:00-22:59 Thursday: 09:00-22:59 Friday: 09:00-22:59
Nikkei225	Nikkei Index Cash CFD (JPY)	0.01 JPY	2	1 JPY	CFD	500	1	20000	1	50	20	836.76	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
SA40	South Africa 40 - CASH	0.01 ZAR	2	1 ZAR	CFD	200	0.1	500	0.1	50	20	3261.28	Monday: 09:30-18:30 Tuesday: 09:30-18:30 Wednesday: 09:30-18:30 Thursday: 09:30-18:30 Friday: 09:30-18:30
SGP20	Singapore 20 Index Cash CFD	0.01 SGD	2	1 SGD	CFD	50	0.1	500	0.1	50	20	93.25	Monday: 03:30-12:10,12:50-23:45 Tuesday: 03:30-12:10,12:50-23:45 Wednesday: 03:30-12:10,12:50-23:45 Thursday: 03:30-12:10,12:50-23:45 Friday: 03:30-12:10,12:50-23:45
SP500	S&P Index Cash CFD (USD)	0.01 USD	2	1 USD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	70.11	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
SP500ft	SP500 Future	0.01 USD	2	1 USD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	115.82	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
SPI200	S&P/ASX 200 Index Cash CFD (AUD)	0.01 AUD	2	1 AUD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	201.81	Monday: 01:00-09:30,10:10-24:00 Tuesday: 01:00-09:30,10:10-24:00 Wednesday: 01:00-09:30,10:10-24:00 Thursday: 01:00-09:30,10:10-24:00 Friday: 01:00-09:30,10:10-24:00
SWI20	Switzerland 20 Cash	0.01 CHF	2	1 CHF	CFD	200	0.1	500	0.1	50	20	300.09	Monday: 09:00-19:59 Tuesday: 09:00-19:59 Wednesday: 09:00-19:59 Thursday: 09:00-19:59 Friday: 09:00-19:59
TWINDEX	Taiwan RIC Index Cash CFD	0.01 USD	2	1 USD	CFD	50	0.1	500	0.1	50	20	173.05	Monday: 04:00-08:30,09:15-24:00 Tuesday: 04:00-08:30,09:15-24:00 Wednesday: 04:00-08:30,09:15-24:00 Thursday: 04:00-08:30,09:15-24:00 Friday: 04:00-08:30,09:15-24:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch cổ phiếu

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
UK100	UK 100 Cash	0.01 GBP	2	1 GBP	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	227.11	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-23:00
UK100ft	UK100 Future	0.01 GBP	2	1 GBP	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	285.06	Monday: 01:05-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-23:00
US2000	US SMALL CAP 2000 - CASH	0.01 USD	2	1 USD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	45.02	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00
USDX	US Dollar Index CFD (USD)	0.1 USD	3	100 USD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	47.45	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 03:00-24:00 Wednesday: 03:00-24:00 Thursday: 03:00-24:00 Friday: 03:00-24:00
VIX	Volatility Index	1.0 USD	3	1000 USD	CFD	500	0.1	500	0.1	50	20	85.42	Monday: 01:00-23:15,23:30-24:00 Tuesday: 01:00-23:15,23:30-24:00 Wednesday: 01:00-23:15,23:30-24:00 Thursday: 01:00-23:15,23:30-24:00 Friday: 01:00-23:15

Ultima Markets

Chứng khoán

Ultima Markets đa dạng hóa danh mục đầu tư giao dịch của bạn thông qua Hợp đồng chênh lệch (CFD) và giao dịch trên nhiều loại cổ phiếu phổ biến, bao gồm Apple, Tesla, NVIDIA và nhiều cổ phiếu khác.

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	AA	Alcoa Corp	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	AALG	AMERICAN AIRLINES GROUP INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7.18	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	AAPL	Apple Inc.	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	8.48	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	ABBVIE	ABBVIE INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	50.31	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	ABNB	Airbnb Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	27.62	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	ABT	Abbott Laboratories	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	14	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	ADBE	Adobe Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	50	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	AGNC	Agnc Investment Corp	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	6	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	ALIBABA	ALIBABA GROUP HOLDING-SP ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	10.53	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	AMAT	Applied Materials Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	22.07	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	AMAZON	AMAZON.COM INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	10.32	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	AMD	Advanced Micro Devices / AMD	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	18	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	AMGN	Amgen Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	44	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	AMT	American Tower Corp	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	38	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	AT&T	AT&T INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7.25	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	AVGO	Broadcom Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	57.39	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	AXP	American Express Co	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	80	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	BAC	BANK OF AMERICA CORP	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	8.41	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	BAIDU	BAIDU INC - SPON ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	14.9	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	BAX	Baxter International Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	BMY	Bristol-Myers Squibb Co	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	11	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	BNTX	BIONTECH SE-ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	73.7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	BOEING	BOEING CO/THE	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	26.59	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	BRKB	Berkshire Hathaway Inc - Class B	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	44	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	BTOG	Bit Origin Ltd	0.01 USD	2	1 share	CFD	1	0.1	1500	0.1	50	20	1	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	BUD	ANHEUSER-BUSCH INBEV SPN ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	12.63	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	CAT	Caterpillar Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	43.57	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	CGC	Canopy Growth Corp	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	6	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	CISCO	CISCO SYSTEMS INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	8.92	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	CITI	CITIGROUP INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	11.64	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	CL	Colgate-Palmolive Co	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	11	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	CMCSA	COMCAST CORP-CLASS A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	8.99	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	CME	CME Group Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	30	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	COIN	COINBASE GLOBAL INC -CLASS A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	66.26	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	COST	Costco Wholesale Corp	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	101	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	CRM	SALESFORCE.COM INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	46.17	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	CVX	CHEVRON CORP	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	23.44	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	DAL	Delta Air Lines Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	DDOG	Datadog Inc - Class A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	18	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	DISNEY	WALT DISNEY CO/THE	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9.66	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	EBAY	eBay Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	22	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	ETSY	Etsy Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	12	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	EXXON	EXXON MOBIL CORP	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	5.9	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	F	Ford Motor Co	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	FCX	Freeport-McMoRan Inc / FCX	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	8	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	FDX	FedEx Corp	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	30	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	GE	General Electric Co	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	28	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	GM	General Motors Co	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	GOOG	ALPHABET INC-CL C	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7.18	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	GS	Goldman Sachs Group Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	141	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	HD	HOME DEPOT INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	81.37	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	HLF	Herbalife Nutrition Ltd	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	HON	HONEYWELL INTERNATIONAL INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	28.43	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	HOOD	ROBINHOOD MARKETS INC - A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	15.06	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	HPE	Hewlett Packard Enterprise Co / HPE	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	HPQ	HP Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	8	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	HSBCn	HSBC HOLDINGS PLC-SPONS ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	8.82	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	IBM	INTL BUSINESS MACHINES CORP	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	30.31	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	INTEL	INTEL CORP	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	5.27	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	JD	JD.COM INC-ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9.77	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	JNJ	JOHNSON & JOHNSON	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	25.06	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	JPM	JPMORGAN CHASE & CO	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	19.43	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	KO	COCA-COLA CO/THE	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	11.1	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	KR	Kroger Co	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	14	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	LI	LI AUTO INC - ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9.77	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	LMT	Lockheed Martin Corp	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	60	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	LULU	LULULEMON ATHLETICA INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	51.13	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	LYFT	Lyft Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	M	Macy's Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	MA	MASTERCARD INC - A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	114.03	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	MANU	Manchester United PLC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	15	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	MCD	MCDONALD'S CORP	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	40.97	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	MCHP	Microchip Technology Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	10	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	MDLZ	Mondelez International Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	MELI	Mercado Libre	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	555	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	META	Meta Platforms Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	52.3	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	MMM	3M CO	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	37.91	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	MO	Altria Group Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	MRK	Merck & Co Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	12	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	MRNA	MODERNA INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	17.57	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	MS	Morgan Stanley	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	16	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	MSFT	MICROSOFT CORP	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	29.48	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	NCLH	Norwegian Cruise Line Holdings Ltd	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	NFLX	NETFLIX INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	163.19	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	NIO	NIO INC - ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7.21	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	NKE	Nike Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	15	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	NTES	NETEASE INC-ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	30.3	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	NVIDIA	NVIDIA CORP	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9.77	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	NVS	NOVARTIS AG-SPONSORED ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	16.61	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	ORCL	ORACLE CORP	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	30.95	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	PEP	PEPSICO INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	21.24	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	PFIZER	PFIZER INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9.32	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	PG	PROCTER & GAMBLE CO/THE	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	18.12	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	PINS	Pinterest Inc - Class A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	PM	PHILIP MORRIS INTERNATIONAL	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	28.96	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	PYPL	PayPal Holdings Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	13.25	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	QCOM	QUALCOMM Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	14	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	RBLX	Roblox Corp - Class A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	28	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	RCL	Royal Caribbean Cruises Ltd	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	23	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	SBUX	STARBUCKS CORP	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	18.75	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	SE	SEA LTD-ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	54.78	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	SHOP	SHOPIFY INC - CLASS A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	17.88	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	SLB	Schlumberger Ltd	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	SNOW	SNOWFLAKE INC-CLASS A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	36.05	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	SPCE	VIRGIN GALACTIC HOLDINGS INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	6.7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	SPOT	Spotify Technology SA	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	84.7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	SQ	SQUARE INC - A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	0	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	TCOM	Trip.com Group Ltd	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	13.77	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	TDOC	Teladoc Health Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	8	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	TGT	Target Corp	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	21	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	TOYOTA	TOYOTA MOTOR CORP -SPON ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	32.87	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	TRMB	TRIMBLE INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	17.23	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	TSLA	Tesla	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	17.14	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	TSM	TAIWAN SEMICONDUCTOR-SP ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	15.83	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	TXN	Texas Instruments Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	23	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	U	UNITY SOFTWARE INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	11.39	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	UAL	United Airlines Holdings Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	10	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	UBER	Uber Technologies Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	10	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	UL	Unilever Plc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	10.63	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	UNH	UNITEDHEALTH GROUP INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	60.67	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	UPS	United Parcel Service Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	19	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	VISA	VISA INC-CLASS A SHARES	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	65.95	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	VTRS	Viatris Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	VZ	VERIZON COMMUNICATIONS INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	8.61	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	W	Wayfair Inc- Class A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	20	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	WFC	WELLS FARGO & CO	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	9.67	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
Stock US	WKHS	Workhorse Group Inc	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	WMT	WALMART INC	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	15.89	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	XPEV	XPENG INC - ADR	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	7.94	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
Stock US	ZM	ZOOM VIDEO COMMUNICATIONS -A	0.01 USD	2	1 Share	CFD	20	0.1	1000	0.1	50	20	22.31	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
ETF	ARKB	ARK 21Shares Bitcoin ETF	0.01 USD	2	1 share	CFD	1	1	800	1	50	20	4.56	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
ETF	BITB	Bitwise Bitcoin ETP Trust	0.01 USD	2	1 share	CFD	1	1	800	1	50	20	2.3	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
ETF	BITO	ProShares Bitcoin Strategy ETF	0.01 USD	2	1 share	CFD	1	1	800	1	50	20	2.28	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
ETF	BTCO	Invesco Galaxy Bitcoin ETF	0.01 USD	2	1 share	CFD	1	1	800	1	50	20	13.51	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00
ETF	GBTC	Grayscale Bitcoin Trust	0.01 USD	2	1 share	CFD	1	1	800	1	50	20	4.04	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

Vùng đất	biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
ETF	IBIT	iShares Bitcoin Trust	0.01 USD	2	1 share	CFD	1	1	800	1	50	20	2.2	Monday: 16:30-23:00 Tuesday: 16:30-23:00 Wednesday: 16:30-23:00 Thursday: 16:30-23:00 Friday: 16:30-23:00

Ultima Markets

Tiền điện tử

Ultima Markets mở rộng danh mục đầu tư giao dịch của bạn với loại tài sản mới nhất và thú vị nhất thế giới, dễ biến động, phi tập trung và được kiểm soát gần như độc quyền bởi các nhà đầu cơ nhỏ lẻ.

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
ADAJPY	Cardano vs Japanese Yen	10.0 JPY	3	10000 ADA	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	413.78	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ADAUSD	Cardano	1.0 USD	4	10000 ADA	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	64	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ALGUSD	Algorand	1.0 USD	4	10000 ALG	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	29.45	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
APTUSD	Aptos	10.0 USD	2	1000 APT	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	6.49	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ARUSD	Arweave	1.0 USD	2	100 AR	CFD	100	0.01	100	0.01	50	20	4	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ATMUSD	Cosmos	1.0 USD	3	1000 ATM	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	76	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
AVAUSD	Avalanche	1.0 USD	2	100 AVA	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	45	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
AXSUSD	Axie Infinity	1.0 USD	2	100 AXS	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	9	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
BATUSD	Basic Attention Token	1.0 USD	4	10000 BAT	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	46.38	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
BCHJPY	Bitcoin Cash vs Japanese Yen	10.0 JPY	0	10 BCH	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	641.76	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
BCHUSD	Bitcoin Cash	0.1 USD	2	10 BCH	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	342	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
BNBUSD	Binance Coin	0.1 USD	2	10 BNB	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	274	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
BTCBCH	Bitcoin vs Bitcoin Cash	0.001 BCH	3	1 BTC	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	279.19	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
BTCETH	Bitcoin vs Ethereum	0.0001 ETH	4	1 BTC	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	62.28	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
BTCEUR	BitCoin vs Euro	0.01 EUR	2	1 BTC	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	7276.67	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
BTCJPY	BitCoin vs Japanese Yen	1.0 JPY	0	1 BTC	CFD	100	0.01	100	0.01	50	20	2373.89	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
BTCLTC	Bitcoin vs Litecoin	0.001 LTC	3	1 BTC	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	1047.92	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
BTCUSD	Bitcoin	0.01 USD	2	1 BTC	Forex No Leverage	500	0.01	100	0.01	50	20	1770.12	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
BTCXAU	Bitcoin vs Gold	1e-05 XAU	5	1 BTC	CFD	5	0.01	100	0.01	50	20		Sunday: 00:00-24:00 Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
CRVUSD	Curve	1.0 USD	3	1000 CRV	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	15	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
DOGUSD	Dogecoin	1.0 USD	4	10000 DOG	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	15	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
DOTUSD	Polkadot	0.1 USD	3	100 DOT	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	86	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ETCUSD	Ethereum Classic	0.1 USD	3	100 ETC	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	216.51	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ETHBCH	Ethereum vs Bitcoin Cash	0.001 BCH	4	10 ETH	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	141.88	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ETHEUR	Ethereum vs Euro	0.01 EUR	2	1 ETH	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	869.34	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ETHJPY	Ethereum vs Japanese Yen	1.0 JPY	0	1 ETH	CFD	100	0.01	100	0.01	50	20	464.44	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ETHLTC	Ethereum vs Litecoin	0.001 LTC	4	10 ETH	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	513.6	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
ETHUSD	Ethereum	0.01 USD	2	1 ETH	Forex No Leverage	500	0.01	100	0.01	50	20	300	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ETHXAU	Ethereum vs Gold	1e-05 XAU	5	1 ETH	CFD	5	0.01	100	0.01	50	20		Sunday: 00:00-24:00 Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
FETUSD	Artificial Superintelligence Alliance	1.0 USD	3	1000 FET	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	119.99	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
FILUSD	Filecoin	1.0 USD	2	100 FIL	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	13	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
GRTUSD	The Graph	1.0 USD	4	10000 GRT	Forex No Leverage	20	0.01	100	0.01	50	20	17	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
INCUSD	1inch	1.0 USD	4	10000 INC	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	40.5	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
IOTUSD	IOTA	1.0 USD	4	10000 IOT	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	39.5	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
LNKUSD	Chainlink	0.1 USD	3	100 LNK	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	86	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
LRCUSD	Loopring	1.0 USD	4	10000 LRC	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	16.61	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
LTCJPY	Litecoin vs Japanese Yen	100.0 JPY	0	100 LTC	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	51.82	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
LTCUSD	Litecoin	1.0 USD	2	100 LTC	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	103	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
MKRUSD	Maker	0.01 USD	2	1 MKR	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	2099.01	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
NEOUSD	Neo	1.0 USD	2	100 NEO	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	15.49	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
NERUSD	NEAR protocol	1.0 USD	3	1000 NER	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	46	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
NXPCUSD	Nexpace	0.1 USD	5	10000 NXPC	CFD	5	0.01	100	0.01	50	20		Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ONEUSD	Harmony	1.0 USD	5	100000 ONE	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	38	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
POLUSD	Polygon Ecosystem Token	1.0 USD	4	10000 POL	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	47.01	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
RDRUSD	Render	1.0 USD	3	1000 RDR	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	57	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
SANUSD	The Sandbox	0.1 USD	4	1000 SAN	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	111.01	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
SHBUSD	10000SHIBA	1.0 USD	4	10000 SHB	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	53	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
SOLJPY	Solana vs Japanese Yen	1.0 JPY	1	10 SOL	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	1580.79	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
SOLUSD	Solana	0.1 USD	2	10 SOL	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	54	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
SUIUSD	Sui	0.1 USD	4	1000 SUI	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	24	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
SUSUSD	Sushi	1.0 USD	3	1000 SUS	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	8.49	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
TAOUSD	Bittensor	1.0 USD	1	10 TAO	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	31.36	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
TONUSD	Toncoin	1.0 USD	3	1000 TON	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	41	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
TRUMPUSD	TrumpCoin	0.1 USD	3	100 TRUMP	CFD	1	0.01	100	0.01	50	20	40	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch tiền điện tử

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
TRXUSD	TRON	1.0 USD	5	100000 TRX	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	102.24	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
UNIUSD	Uniswap	0.1 USD	3	100 UNI	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	77	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
USDTJPY	Tether vs Japanese Yen	100.0 JPY	3	100000 USDT	CFD	1	0.01	100	0.01	50	20	23.55	Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
XLMJPY	Stellar Lumens vs Japanese Yen	1.0 JPY	4	10000 XLM	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	2106.4	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
XLMUSD	Stellar Lumens	1.0 USD	4	10000 XLM	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	26.37	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
XRPJPY	Ripple vs Japanese Yen	10.0 JPY	3	10000 XRP	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	352.78	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
XRPUSD	Ripple	1.0 USD	4	10000 XRP	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	83	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
XTZUSD	Tezos	0.1 USD	4	1000 XTZ	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	101	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00
ZECUSD	Zcash	1.0 USD	2	100 ZEC	Forex No Leverage	100	0.01	100	0.01	50	20	61.79	Sunday: 00:00-24:00 Monday: 00:00-24:00 Tuesday: 00:00-24:00 Wednesday: 00:00-24:00 Thursday: 00:00-24:00 Friday: 00:00-24:00 Saturday: 00:00-24:00

Ultima Markets

Trái phiếu

Ultima Markets cũng cho phép bạn giao dịch trái phiếu ít biến động và ít rủi ro hơn, mang đến cho bạn cơ hội kiếm được nhiều tiền hơn
lợi nhuận ổn định và nhất quán.

Tài khoản UM Standard STP: Điều kiện giao dịch trái phiếu

biểu tượng	mô tả	Giá trị điểm	chữ số	Quy mô hợp đồng	Chế độ cal lợi nhuận	Tận dụng	Khối lượng tối thiểu trên mỗi lần nhấp	Âm lượng tối đa cho mỗi lần nhấp	Bước khối lượng	Lệnh gọi ký quỹ	Dừng ký quỹ	Chênh lệch(Chỉ mang tính chất tham khảo)	thời gian giao dịch
EUB10Y	Euro - Bund Futures	0.01 EUR	2	1 Contract	CFD	100	1	500	1	50	20	3.13	Monday: 03:15-23:00 Tuesday: 03:15-23:00 Wednesday: 03:15-23:00 Thursday: 03:15-23:00 Friday: 03:15-23:00
EUB2Y	Euro - Schatz Futures	0.01 EUR	2	1 Contract	CFD	100	1	500	1	50	20	3	Monday: 03:15-23:00 Tuesday: 03:15-23:00 Wednesday: 03:15-23:00 Thursday: 03:15-23:00 Friday: 03:15-23:00
EUB30Y	Euro - BUXL Futures	0.01 EUR	2	1 Contract	CFD	100	1	500	1	50	20	3.02	Monday: 03:15-23:00 Tuesday: 03:15-23:00 Wednesday: 03:15-23:00 Thursday: 03:15-23:00 Friday: 03:15-23:00
EUB5Y	Euro - BOBL Futures	0.01 EUR	2	1 Contract	CFD	100	1	500	1	50	20	3.01	Monday: 03:15-23:00 Tuesday: 03:15-23:00 Wednesday: 03:15-23:00 Thursday: 03:15-23:00 Friday: 03:15-23:00
EURIBOR3M	EURIBOR Futures	0.001 EUR	3	1 Contract	CFD	100	1	500	1	50	20	39.83	Monday: 03:00-23:00 Tuesday: 03:00-23:00 Wednesday: 03:00-23:00 Thursday: 03:00-23:00 Friday: 03:00-23:00
LongGilt	UK Long Gilt Futures	0.01 GBP	2	1 Contract	CFD	100	1	500	1	50	20	2	Monday: 10:00-20:00 Tuesday: 10:00-20:00 Wednesday: 10:00-20:00 Thursday: 10:00-20:00 Friday: 10:00-20:00
USNote10Y	US 10 YR T-Note Futures Decimalised	0.01 USD	2	1 Contract	CFD	100	1	500	1	50	20	3.47	Monday: 01:00-24:00 Tuesday: 01:00-24:00 Wednesday: 01:00-24:00 Thursday: 01:00-24:00 Friday: 01:00-24:00

Thông tin liên lạc

Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi hoặc thắc mắc nào, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.

ultimamarkets.com

info@ultimamarkets.com

Tuyên bố rủi ro

Cảnh báo Rủi ro: Giao dịch forex và CFD có rủi ro thua lỗ nhiều hơn đáng kể so với khoản đầu tư ban đầu của bạn và chỉ nên giao dịch với số tiền bạn có thể chấp nhận để mất. Bạn không sở hữu hoặc có bất kỳ quyền nào đối với tài sản làm cơ sở cho các công cụ phái sinh (chẳng hạn như quyền nhận thanh toán cổ tức). Đảm bảo bạn hiểu đầy đủ các rủi ro liên quan. Giao dịch các sản phẩm đòn bẩy có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư. Trước khi giao dịch, vui lòng xem xét mức độ kinh nghiệm, mục tiêu đầu tư của bạn và tìm tư vấn tài chính độc lập nếu cần. Vui lòng xem xét các tài liệu pháp lý của chúng tôi và đảm bảo rằng bạn hiểu đầy đủ các rủi ro trước khi đưa ra bất kỳ quyết định giao dịch nào.

Cảnh báo rủi ro: Thông tin trên trang web này chỉ mang tính chất chung chung và mọi lời khuyên đã được chuẩn bị mà không tính đến các mục tiêu, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của bạn. Theo đó, trước khi hành động theo lời khuyên, bạn nên xem xét tính phù hợp của bất kỳ lời khuyên nào liên quan đến theo mục tiêu, tình hình tài chính và nhu cầu của bạn, và sau khi xem xét các tài liệu pháp lý.

Hạn chế khu vực: Thông tin hoặc thiết bị trên trang web này không được hướng dẫn hoặc cung cấp cho cư dân của một số khu vực pháp lý nhất định như Hoa Kỳ, Bắc Triều Tiên, v.v. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với nhóm hỗ trợ khách hàng của chúng tôi. Ultima Markets, tên giao dịch của Ultima Markets Ltd, được ủy quyền và quản lý bởi Ủy ban Dịch vụ Tài chính "FSC" của Mauritius với tư cách là Đại lý đầu tư (Đại lý dịch vụ đầy đủ, không bao gồm Bảo lãnh phát hành) (giấy phép số GB 23201593). Địa chỉ văn phòng đã đăng ký: Tầng 2, The Catalyst , 40 Đại lộ Silicon, Ebene Cybercity, 72201, Mauritius.